

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2009/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Công khai quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2008 tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, các doanh nghiệp Nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách Nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2009/NQ-HĐND ngày 28/7/2009 của HĐND tỉnh khoá XI, về phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2008;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1455/TTr-STC ngày 10/9/2009 về việc công khai quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2008 tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu về quyết toán ngân sách nhà nước năm 2008 của tỉnh Thái Nguyên với các nội dung cụ thể như sau:

(Theo các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Sở Tài chính phối hợp cùng các ngành liên quan tổ chức thực hiện và phối hợp hướng dẫn các đơn vị dự toán, các địa phương và cơ sở tổ chức thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Xuân Dương

Mẫu số 10/CKTC-NSDP**Biểu số:01****CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2008**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
<u>I</u>	<u>Tổng số thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn</u>	<u>1 290 546</u>
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	1 053 191
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	53 877
3	Thu quản lý qua ngân sách	183 478
<u>II</u>	<u>Thu ngân sách địa phương</u>	<u>3 374 059</u>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	1 227 517
	- Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%	1 081 166
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ %	146 351
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1 731 095
	- Bổ sung cân đối	907 069
	- Bổ sung có mục tiêu	824 026
3	Thu huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN	35 000
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	18 315
5	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	362 132
<u>III</u>	<u>Chi ngân sách địa phương</u>	<u>3 350 128</u>
1	Chi đầu tư phát triển	389 509
2	Chi thường xuyên	1 700 954
3	Chi trả nợ các khoản tiền huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	34 165

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1 000
5	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	611 479
6	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	440 801
7	Chi từ nguồn để lại quản lý qua ngân sách	172 220

Mẫu số 11/CKTC-NSDP

Biểu số:02

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH
CỦA HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ NĂM 2008***(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
<u>A</u>	<u>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</u>	
<u>I</u>	<u>Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh</u>	<u>2 621 035</u>
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	612 296
	- Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	210 640
	- Các khoản thu phân chia NS tỉnh hưởng theo tỷ lệ %	401 656
2	Bổ sung từ ngân sách trung ương	1 731 095
	- Bổ sung cân đối	907 069
	- Bổ sung có mục tiêu	824 026
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN	35 000
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	424
5	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	242 220
<u>II</u>	<u>Chi ngân sách cấp tỉnh</u>	<u>2 379 226</u>
1	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp (không kể số bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	1 186 231
2	Bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã	1 063 689
	- Bổ sung cân đối	552 971
	- Bổ sung có mục tiêu	510 718
3	Chi quản lý qua ngân sách	129 306
	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
<u>B</u>	<u>NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ THUỘC TỈNH</u>	
<u>I</u>	<u>Nguồn thu ngân sách huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh</u>	<u>1 253 315</u>
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	422 828
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ phân cấp	352 818
	- Thu quản lý qua ngân sách	70 010
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	748 741
	- Bổ sung cân đối	552 971
	- Bổ sung có mục tiêu	195 770
3	Thu chuyển nguồn và kết dư ngân sách năm trước	81 746
<u>II</u>	<u>Chi ngân sách huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh</u>	<u>1 235 424</u>

Mẫu số 12/CKTC-NSDP

Biểu số:03

TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2008

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	<u>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN</u>	<u>1 325 546</u>
<u>A</u>	<u>Tổng thu các khoản cân đối ngân sách nhà nước</u>	<u>1 142 068</u>
I	Thu nội địa	1 053 191
1	Thu từ Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương	294 063
	- Thuế giá trị gia tăng	175 954
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	97 208
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	116
	- Thuế môn bài	290
	- Thuế tài nguyên	20 143
	- Thu khác	352
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	25 782
	- Thuế giá trị gia tăng	17 175
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6 362
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	37
	- Thuế môn bài	204
	- Thuế tài nguyên	879
	- Thu khác	1 125
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	75 111
	- Thuế giá trị gia tăng	45 482

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	29 569
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	
	- Thuế môn bài	60
	- Thuế tài nguyên	
	- Thu khác	
4	Thu từ khu vực công thương, dịch vụ ngoài quốc doanh	218 001
	- Thuế giá trị gia tăng	142 559
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	58 218
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	2 635
	- Thuế môn bài	9 368
	- Thuế tài nguyên	5 221
	- Thu khác	
5	Lệ phí trước bạ	60 072
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	471
7	Thuế nhà đất	8 341
8	Thuế thu nhập người có thu nhập cao	31 903
9	Thu phí xăng dầu	75 447
10	Thu phí, lệ phí	35 142
11	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	23 622
12	Thu tiền sử dụng đất	165 470
13	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	12 536
14	Thu bán nhà, thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước	1 656
15	Thu khác của ngân sách	21 885
16	Thu hoa lợi CS, quỹ đất công ích ... tại xã	3 689

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
II	Thu hoạt động xuất nhập khẩu	53 877
1	Thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng NK	24 595
2	Thuế giá trị gia tăng hàng NK	29 282
III	Thu huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	35 000
<u>B</u>	<u>Các khoản thu được để lại quản lý qua NSNN</u>	<u>183 478</u>
	<u>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	<u>3 557 537</u>
<u>A</u>	<u>Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương</u>	<u>3 374 059</u>
1	Các khoản thu hưởng 100%	1 081 166
2	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) NSDP được hưởng	146 351
3	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1 731 095
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	362 132
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	18 315
6	Huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN	35 000
<u>B</u>	<u>Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN</u>	<u>183 478</u>

Mẫu số 13/CKTC-NSDP

Biểu số:04

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2008

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	<u>3 350 128</u>
<u>A</u>	<u>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</u>	<u>2 125 628</u>
I	Chi đầu tư phát triển	389 509
II	Chi thường xuyên	1 700 954
	Trong đó:	
	- Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	793 537
	- Chi khoa học công nghệ	7 621
III	Chi trả nợ gốc và lãi huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN	34 165
IV	Bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1 000
<u>B</u>	<u>Chi chương trình mục tiêu quốc gia</u>	<u>440 801</u>
<u>C</u>	<u>Chi từ nguồn để lại quản lý qua ngân sách</u>	<u>172 220</u>
<u>D</u>	<u>Chi chuyển nguồn</u>	<u>611 479</u>

Mẫu số 14/CKTC-NSDP

Biểu số:05

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2008**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	<u>4 413 817</u>
I	Chi đầu tư phát triển	389 509
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung	245 739
2	Chi ĐT XDCS HT bằng nguồn SD đất	139 770
3	Chi đầu tư và hỗ trợ DN theo chế độ	4 000
II	Chi thường xuyên	1 700 954
1	Chi an ninh - quốc phòng	37 820
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	793 537
3	Chi sự nghiệp y tế	192 094
4	Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ	7 621
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	33 483
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	14 079
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
8	Chi đảm bảo xã hội	65 654
9	Chi sự nghiệp kinh tế	148 373
10	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	343 112
11	Chi trợ giá mặt hàng chính sách	12 160
12	Chi sự nghiệp môi trường	40 458
13	Chi khác của ngân sách	12 563

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1 000
IV	Chi CT mục tiêu quốc gia	440 801
V	Chi trả nợ gốc và lãi huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN	34 165
VI	Chi chuyển nguồn	611 479
VII	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	1 063 689
VIII	Chi từ nguồn để lại quản lý qua ngân sách	172 220

Mẫu số 15/CKTC-NSDP

Biểu số:06

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CẤP TỈNH NĂM 2008

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên				Chi chương trình MTQG	Chương trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện 1 số nhiệm vụ, mục tiêu khác	
			Tổng số	Trong đó: XD CB tập trung		Tổng	Trong đó							
				Tổng số	Vốn trong nước		Vốn ngoài nước	Quản lý Nhà nước	Sự nghiệp	Chi từ nguồn QL NS				
	Tổng số	1 025 243	95 600	91 600	91 600		673 654	114 818	440 337	118 499	78 142	824	16 937	160 086
A	Khối quản lý Nhà nước	904 196	85 065	81 065	81 065		584 368	79 510	396 076	108 782	75 628	824	16 937	141 374
1	Văn phòng UBND tỉnh	18 531	5 092	5 092	5 092		13 439	11 855	1 584					
2	Hội đồng nhân dân tỉnh	4 209					4 209	4 209						
3	Đoàn đại biểu QH	423					423	423						
4	Sở Nội vụ	5 691	500	500	500		5 191	3 552	1 639					
5	Sở Tư pháp	2 769					2 704	1 691	820	193	65			
6	Sở kế hoạch và Đầu tư	5 390	200	200	200		3 469	2 659	810					1 721
7	Thanh tra giao thông	1 688					1 688	539	549	600				
8	Chi cục kiểm lâm	13 366					13 366	8 867	4 499					

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên				Chi chương trình MTQG	Chương trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện 1 số nhiệm vụ, mục tiêu khác
			Tổng số	Trong đó: XD CB tập trung			Tổng	Trong đó						
				Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Quản lý Nhà nước	Sự nghiệp	Chi từ nguồn QL NS				
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	104 233	12 517	8 517	8 517		38 966	7 955	29 555	1 456	1 483	18	16 937	34 312
10	Ban quản lý các khu công nghiệp	12 952	8 535	8 535	8 535		1 785	1 003	782					2 632
11	Sở Giao thông vận tải	48 268	8 265	8 265	8 265		17 655	1 351	13 441	2 863				22 348
12	Sở Giáo dục đào tạo	208 765	32 814	32 814	32 814		134 990	2 998	116 152	15 840	40 961			
13	Sở Y tế	277 900	3 164	3 164	3 164		226 287	2 874	149 624	73 789	21 082			27 367
14	Sở Lao động Thương binh - Xã hội	41 483	481	481	481		22 702	2 633	17 570	2 499	8 817			9 483
15	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	55 825	4 809	4 809	4 809		30 501	2 363	23 138	5 000	3 220			17 295
16	Sở Khoa học và Công nghệ	9 341					9 341	1 720	7 621					
17	Sở thông tin và truyền thông	2 496	259	259	259		2 237	1 618	619					
18	Thanh tra tỉnh	3 098	600	600	600		2 498	2 498						
19	Sở Tài chính	5 290	1 522	1 522	1 522		3 768	3 768						
20	Sở Tài nguyên và môi trường	34 630					30 936	2 784	21 610	6 542				3 694

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên				Chi chương trình MTQG	Chương trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện 1 số nhiệm vụ, mục tiêu khác
			Tổng số	Trong đó: XD CB tập trung			Tổng	Trong đó						
				Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Quản lý Nhà nước	Sự nghiệp	Chi từ nguồn QL NS				
21	Sở xây dựng	15 892					2 405	1 700	705				13 487	
22	Sở Công thương	23 082	6 307	6 307	6 307		8 430	3 300	5 130				8 345	
23	Hội đồng liên minh các HTX	1 475					893	686	207				582	
24	Ban dân tộc	1 812					898	877	21		806		108	
25	Chi cục Quản lý thị trường	5 342					5 342	5 342						
26	Ban chỉ đạo cộng tác BTGPMB	245					245	245						
B	Hội đoàn thể	16 542	200	200	200		15 503	9 021	1 849	4 633	285		554	
1	Mặt trận Tổ quốc	3 878	200	200	200		3 613	1 697		1 916	65			
2	Hội liên hiệp Phụ nữ	3 631					3 566	1 948		1 618	65			
3	Hội Cựu chiến binh	759					709	709			50			
4	Hội nông dân tập thể	2 301					2 261	1 518	18	725	40			
5	Hội Đông y	679					679	100	579					
6	Hội Chữ thập đỏ	687					586	100	486				101	
7	Hội Nhà báo	402					312	312					90	

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên				Chi chương trình MTQG	Chương g trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện 1 số nhiệm vụ, mục tiêu khác
			Tổng số	Trong đó: XD CB tập trung			Tổng	Trong đó						
				Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Quản lý Nhà nước	Sự nghiệp	Chi từ nguồn QL NS				
8	Tỉnh đoàn Thanh niên	2 404					2 339	1 935	30	374	65			
9	Hội Văn học nghệ thuật	1 099					736		736				363	
10	Hội Lâm vườn	182					182	182						
11	Hội Người mù	254					254	254						
12	Hội Nạn nhân chất độc da cam	266					266	266						
C	Khối Đảng (Tỉnh uỷ)	31 341	2 412	2 412	2 412		26 287	26 287			20		2 622	
D	Các đơn vị khác	73 164	7 923	7 923	7 923		47 496		42 412	5 084	2 209		15 536	
1	Đài phát thanh truyền hình	13 102	281	281	281		8 762		8 762				4 059	
2	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	15 134	4 805	4 805	4 805		8 239		8 239		90		2 000	
3	TT hỗ trợ phát triển bền vững VB	328					328			328				
4	Trường Chính trị tỉnh	6 221	921	921	921		5 300		5 300					
5	Trường Cao đẳng Y tế	10 495					6 495		5 120	1 375			4 000	
6	Trường Cao đẳng Sư phạm	11 466					9 347		9 347		2 119			
7	Trường Cao đẳng Kinh tế	16 418	1 916	1 916	1 916		9 025		5 644	3 381			5 477	

Mẫu số 16/CKTC-NSDP

Biểu số:07

QUYẾT TOÁN CHI XDCN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2008

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
	1	2	3	4	5	5	6
-	Tổng số	-	-	-	-	-	490.594
A	<u>XDCB tập trung ngân sách tỉnh</u>	-	-	-	-	-	208.284
I	Nông nghiệp						1.777
-	Quy hoạch hệ thống đê điều chống lũ tỉnh TN						54
-	Nâng cấp trại cá Hòa Sơn và Núi Cốc						50
-	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ						20
-	SC nâng cấp hồ Kim Đinh Trại Gạo Phú Bình						70
-	Hồ Phụng Hoàng Đại Từ						12
-	Hồ Gò Miếu - Đoàn uỷ Đại Từ						50
-	Đập Quảng Cáo Định Hóa						50
-	Hồ Nà Mạt, Khe Dạt Ôn lương huyện Phú Lương						40

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	DA đầu tư nâng cao chất lượng hạt giống lúa nước						350
-	Trại giống bò Diêm Thụy	Huyện Phú Bình	2006	1,935			8
-	Cải tạo nâng cấp trụ sở sở NN&PTNT Thái Nguyên						200
-	KCH hệ thống kênh Hồ Bảo Linh Định Hoà						21
-	KCH 5 tuyến kênh cấp II Núi Cốc						376
-	Hạ tầng nuôi trồng giống và Thủy sản						476
II	Thủy Lợi						4.453
-	QH thủy lợi tỉnh TN giai đoạn 2001 - 2010						173
-	Hồ Suối Diều xã Khôi Kỳ Đại Từ						50
-	Hồ đồng cầu xã Hòa bình Huyện Đồng hỷ						200
-	Tưới chè 3 xã Phú Lương	Huyện Phú Lương	2002-2007	4,750			1.900
-	Nhà hạt kiểm lâm Võ Nhai	Huyện Võ Nhai		2,176			1.000
-	Đê chống lũ bờ hữu sông Cầu Bến Oánh - Núi Tiệp (GD II						130

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Hồ Nậm Dắt						1.000
III	Công nghiệp						13.093
-	QH T.Dò, K.Thác, C.Biến SD quặng sắt TN 2006-2010						154
-	QH T.Dò, K.Thác C.Biến & SD Titan tỉnh TN 2006-2010						150
-	QH T.Dò, K.Thác C.Biến & SD quặng chì tỉnh TN 2006-2010						156
-	Cấp điện các xã huyện Võ Nhai						250
-	CT nâng cấp HT điện nông thôn huyện Phú Lương						250
-	Dự án năng lượng Nông thôn II (REE II)			126,974			2.500
-	Lưới điện Tân Khánh	Huyện Phú Bình	2007-2008	1,918			300
-	Điện chiếu sáng Quốc lộ 3 địa phận Phổ Yên						1.340
-	Trả nợ tín dụng cho Công ty PT hạ tầng KCN						7.993
IV	Giao thông vận tải						25.304
-	Đường Bảo Lý Tân khánh Tân Lợi Trại cau						70
-	Đường Quán Vương ATK Phú Đình						90

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Đường tỉnh lộ ĐT 264 Đại Từ Định Hóa						100
-	Đường Tân Đức, Tân Hòa, Tân Kim, Bàn Đạt, Đồng Liên						350
-	Đường Mỹ Yên, Khôi Kỳ, Hoàng Nông, La Bằng						150
-	Đường GTLX Cúc Đường, Thương Nung, Sản Mộc						91
-	Đường Phủ Lý ATK Hợp Thành Phú Lương						200
-	Đường Cách mạng tháng 8 TPTN	TP Thái Nguyên		78,000			1.390
-	Đường GTLX Quy Kỳ Linh Thông Lam Vỹ	H.Định Hóa	2002-2004	18,200			1.365
-	Đường ĐT252 Tuấn Pháp Hà Châu						101
-	Trả lãi vay Cầu Mây QL37 km105						291
-	Đường Đu, Đông Đạt, Yên Lạc, Phú Lương	H. Phú Lương		6,128			1.800
-	Đường Cầu Mây - Tân Khánh - Mỏ Hạ - Tân Thành PB	H. Phú Bình		6,050			141
-	Cầu Bến Giềng - Sơn Cẩm Phú Lương	H. Phú Lương		3,892			550

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Cầu treo Bến Oánh huyện Đồng Hỷ	H. Đồng Hỷ		5,747			1.512
-	Đảm bảo GT đường ngầm Phú Minh ĐT 264 bằng cầu tạm						51
-	S/Chữa mặt đường ĐT 264 đoạn Quán Vuông - Yên Thôn						205
-	Sửa chữa nền, mặt đường 268	H. Định Hóa	2007 - 2009	119,016			898
-	Sửa chữa nền, mặt đường ĐT 264 B						1.219
-	Đường Hóa Thượng Hòa Bình Đồng Hỷ	H. Đồng Hỷ		15,623			1.336
-	Đường Bảo Lý - Tân Khánh Phú Bình						134
-	Đường Hòa Bình - Văn Lãng Đồng Hỷ	H. Đồng Hỷ		3,729			520
-	Đường Phúc Chu - Bảo Linh Định Hóa	H. Định Hóa	2004 - 2005	24,845			491
-	Đường vào Huyện ủy Phú Bình						100
-	Đường nội thị TT ATK Định Hóa	H. Định Hóa		3,388			409
-	Đường Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến						1.224

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Đường Tân Dương - Trung Hội - Phượng Tiến Đồng Hỷ	H. Đồng Hỷ	2004 - 2007	16,803			1.429
-	Đường Phổ Yên Diềm thụy (GD1)						1.000
-	Đường Cầu Ca - Dương Thành	H. Phú Bình	2007	12,136			3.274
-	Đường vào bãi rác huyện Phú Bình						163
-	NC CTạo đường ngã ba Khe Mo Đồng Hỷ						58
-	Đường GT liên xã Hanh Lương Sơn Phú Bình						74
-	Đường GTNT xã Tân Thịnh Định Hóa						119
-	Đường Dốc Vông - Vô Tranh Phú Lương						54
-	Đường trần Liên Hợp - Phúc Thuận Phổ Yên						1.500
-	DA 1,3km đường CMT10 TXSC	TX. Sông Công	2008 - 2009	12,000			2.846
V	Quản lý Nhà nước						25.380
-	Quy hoạch thị trấn Úc Sơn Phú Bình						40
-	QHCT khu DTLS Núi vắn, núi vồ xã Ký Phú, Văn Yên						184

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trụ sở làm việc đoàn ĐBQH-HĐND-UBND Tỉnh TN	TP Thái Nguyên	2003	41,386			4.742
-	Trụ sở UBND xã Vô Tranh Phú Lương	H. Phú Lương	2004	1,192			32
-	Trụ sở UBND xã Bình Yên Định Hóa	H. Định Hóa	2004	7,780			24
-	Trụ sở UBND xã Bình Thành Định Hóa	H. Định Hóa	2004	1,235			106
-	Trụ sở UBND xã Phú Đô Phú Lương	H. Phú Lương	2004	1,191			51
-	Cụm làng xuất khẩu chè Tân Cương	TP Thái Nguyên	2005	6,985			264
-	TT chính trị huyện Phú Bình	H. Phú Bình	2007	3,674			1.188
-	TT Bồi dưỡng Chính trị Đồng Hỷ	H. Đồng Hỷ	2007	3,171			1.951
-	NLV Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện Đại Từ	H. Đại Từ	2007	3,049			900
-	Trụ sở UBND xã Phụng Tiến	H. Võ Nhai	2007	1,753			600
-	Trụ sở UBND xã Lương Phú	H. Phú Bình	2007	1,626			479

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trụ sở UBND xã Hợp Thành	H. Phú Lương	2007	1,790			1.642
-	Trụ sở UBND xã Tân Phú	H. Phở Yên	2007	1,700			1.399
-	CTạo nâng cấp trụ sở HĐND - UBND huyện Định Hóa						407
-	TT bồi dưỡng chính trị huyện Đại Từ	H. Đại Từ	2008 - 2009	3,500			127
-	Nhà làm việc HĐND- UBND huyện Phú Lương						1.300
-	Trụ sở UBND xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	2006 - 2007	1,261			501
-	Trụ sở UBND xã La Hiên	H. Võ Nhai	2007	1,732			600
-	CT sửa chữa UBND huyện Võ Nhai						30
-	Trụ sở UBND xã Hà Thượng						654
-	Trụ sở xã Dương Thành	H. Phú Bình	2006 - 2007	1,159			566
-	CTạo sửa chữa hội trường UBND tỉnh						350
-	Trụ sở Huyện ủy Định Hóa	H. Định Hóa	2008 - 2009	8,000			3.000

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trụ sở Huyện ủy Phú Bình	H. Phú Bình	2003	5,948			1.043
-	Trụ sở khối Đảng đoàn thể Phú Lương						349
-	CT sửa chữa NLV, đường nội bộ trụ sở Tỉnh ủy	TP Thái Nguyên	2006	1,075			1.322
-	XD mới nhà khách Tỉnh ủy	TP Thái Nguyên	2006	968			102
-	CT nhà khách Tỉnh ủy Thái Nguyên						400
-	Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh TN						86
-	XD nhà để xe Văn phòng Tỉnh ủy						400
-	Trụ sở TT điều hành KCN Sông Công	TX. Sông Công	2002	3,274			542
VI	Cấp nước						3.784
-	DA cấp nước TP Thái Nguyên	TP Thái Nguyên	1998 - 2003	171,105			253
-	Cấp nước thị xã Sông Công	TX. Sông Công		81,623			350
-	Hệ thống thoát nước 7 Ha khu B						4
-	Hệ thống cấp nước chữa cháy TP TN						706

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Hệ thống cấp nước thị trấn Đại Từ						2.471
VII	Giáo dục đào tạo						35.295
-	Trường THPT Trần Quốc Tuấn, Huyện Đồng Hỷ						2.429
-	Trường Cao đẳng Kinh tế tài chính	TP Thái Nguyên	2005 - 2008	19,550			1.916
-	Trường PTTH Bắc Sơn	H. Phổ Yên	2000	6,234			1.774
-	Cải tạo mở rộng trường THPT Nguyễn Huệ Đại Từ	H.Đại Từ	2002	6,900			555
-	Trường PTTH Diêm Thụy Phú Bình	H. Phú Bình	2008 - 2009	20,000			216
-	CTMR tr.PTTH Yên Ninh Phú Lương (khoan thăm dò khai thác)						340
-	Nhà lớp học số 2 trường THPT Võ Nhai	H. Võ Nhai	2004	85,531			961
-	Trụ sở sở giáo dục và đào tạo Thái Nguyên	TP Thái Nguyên	2007	13,164			5.950
-	Trường THPT Yên Ninh Phú Lương	H. Phú Lương	2002	7,112			287

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trường THPT Trại Cau Đồng Hỷ	H. Đồng Hỷ	2001	6,623			2.470
-	Trường THPT Phố Yên (DA đường dây trạm biến áp)						41
-	Trường THPT Võ Nhai	H. Võ Nhai	2005	8,531			3.400
-	Trường THPT Phố Yên (DA nhà đa năng, nhà 3 tầng)	H. Phố Yên	2004	7,676			1.418
-	Trường THPT Lương Phú Phú Bình	H. Phú Bình	2004	7,412			1.000
-	CTMR tr.PTTH Yên Ninh Phú Lương (nhà đa năng)	H. Phú Lương	2004	6,962			774
-	Trường THPT Lưu Nhân Chú, huyện Đại Từ	H.Đại Từ	2007	11,153			5.709
-	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	H.Đại Từ	2007	8,408			2.651
-	TT dạy nghề Võ Nhai	H. Võ Nhai	2003	5,783			17
-	Trường CII Nguyễn Du	TP Thái Nguyên	2004	4,093			547
-	CT mở rộng trường Trần Phú Võ Nhai						2.339
-	Nhà hiệu bộ trung tâm GD thường xuyên						500

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
VIII	Y tế và các hoạt động xã hội						5.627
-	Quy hoạch tổng thể PT ngành Y tế đến năm 2010						18
-	Quy hoạch TT ngành LĐ TBXH tỉnh Thái Nguyên đến 2010						50
-	Quy hoạch PT nguồn nhân lực đến 2015						64
-	Nâng cấp nhà bia liệt sỹ TNXP Gia Sàng						20
-	Bệnh viện A (Phụ sản)	TP Thái Nguyên	2000	38,840			611
-	Ctạo hội trường nhà ăn khu VS BV điều dưỡng						350
-	TT Y tế thị xã Sông Công	TX. Sông Công	20003 - 2007	11,508			395
-	Trụ sở Sở Y tế Thái Nguyên						218
-	Nhà điều trị Bệnh nhân là phạm nhân						1.572
-	Trạm Y tế xã Tiên Phong						83
-	Trạm Y tế xã Trung Thành						94
-	Trạm Y tế xã Đông Cao						111
-	Đài tưởng niệm các AH Liệt sỹ tỉnh TN						626

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	TT dạy nghề tỉnh TN		2003	6,140			324
-	Trụ sở làm việc LĐ - TBXH tỉnh TN						43
-	ĐA đền thờ các anh hùng liệt sỹ huyện Phú Lương						650
-	Đền thờ Anh hùng liệt sỹ Phú Bình						400
IX	Văn hóa - thể thao - du lịch						9.677
-	Sân vận động Thái Nguyên						69
-	Phục hồi Đình Kha Sơn Thượng và Kha Sơn Hạ						519
-	Làng mây tre Đan Văn Yên Đại Từ	H. Đại Từ	2006 - 2007	6,154			839
-	Làng mây tre Đan Ôn Lương Phú Lương	H. Phú Lương	2007 - 2007	5,848			811
-	Sa bàn tổng thể khu di tích lịch sử ATK Định Hóa						92
-	Chinh trang khán đài A sân vận động Thái Nguyên						637
-	Nhà tập và thi đấu thể thao						453
-	Trung tâm thi đấu thể thao						485
-	Phục hồi tôn tạo khu DTLS CM chiến khu VB (GDI)						7

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Phục hồi tôn tạo khu DTLS CM chiến khu VB (GDII)						167
-	Kè đá, bồn hoa thoát nước khu tưởng niệm HCM						105
-	Đường truyền tín hiệu PTTH						280
-	Đài phát thanh truyền hình Định Hoà						13
-	Nhà tưởng niệm Bác Hồ trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên						200
-	Xây nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ATK Định Hoà						5,000
X	Công cộng						48.578
-	QH hệ thống đô thị tỉnh Thái Nguyên GD 2006 -2010 tính đến 2020						200
-	Hỗ trợ GPMB Khu Công nghiệp Tr. Thành Phố Yên						43.000
-	Bãi chứa & xử lý rác thải thị trấn Đại Từ						360
-	Bãi chôn lấp rác thải thị trấn Chợ Chu Định Hoà						5.000
-	XD khu TĐC An Châu Mô chè Sông Công						18
XI	An ninh - Quốc phòng						5.181

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trường Quân sự tỉnh TN						469
-	Sửa chữa Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh						207
-	CT nâng cấp CQ BCH Quân sự tỉnh và TĐ dự bị động viên	TP Thái Nguyên	2007	22,350			2.190
-	Nhà làm việc BCHQS huyện Đại Từ	H. Đại Từ	2008 - 2009	1,750			800
-	Bệnh xá bộ CH Quân sự tỉnh	TP Thái Nguyên	2008	2,271			900
-	Nhà kho vũ khí trường QS tỉnh TN						200
-	NLV BCH Quân sự huyện Phú Bình	H. Phú Bình	2006	1,137			39
-	Trụ sở phòng CS bảo vệ và hỗ trợ tư pháp						376
XII	Các đơn vị khác						30.136
-	PT CNTT tỉnh TN đến 2015						259
-	CT trụ sở Sở Tài chính	TP Thái Nguyên	2007	3,334			1.522
-	CT hệ thống điện, công trình VS NLV 3 tầng Sở Nội vụ						500
-	CT trụ sở Thanh tra tỉnh	TP Thái Nguyên	2007	2,175			600

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	CT trụ sở Mặt trận Tổ quốc tỉnh	TP Thái Nguyên	2006	2,083			200
-	Trường Chính trị tỉnh TN						86
-	TT Bồi dưỡng Chính trị Định Hóa	H. Định Hóa	2003	4,315			500
-	TT Dạy nghề huyện Phú Bình	H. Phú Bình	2004	6,922			1.350
-	Trường Chính trị tỉnh TN	TP Thái Nguyên	1998	6,230			635
-	CT sửa chữa mặt ngoài nhà làm việc Báo TN						102
-	CP QLDA phát triển nông thôn đa mục tiêu Thái Nguyên						904
-	Năm trước chuyển sang						23.478
B	<u>Nguồn vốn vay tín dụng khác - Vay NHPT</u>	-	-	-	-	-	14.826
-	Đường GTNT xã Đồng Liên, Phú Bình						92
-	Đường GT Đại Từ Mỹ Yên						463
-	Đường GTNT xã Vô Tranh						2.000
-	Đường GTNT xã Tức Tranh						1.218
-	Đường GTNT xã An Khánh						100

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Hạ tầng làng nghề Tân Đức Phú Bình						2.487
-	Đường GTNT Úc Sơn - Tân Thành - Hợp Tiến						5.806
-	Xây dựng công trình thủy lợi xã Nghinh Tường Võ Nhai						2.394
-	Hồ Phụng Hoàng Đại Từ						267
C	<u>NV hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ</u>	-	-	-	-	-	187.641
I	<u>Đầu tư các dự án vùng ATK</u>	-	-	-	-	-	939
-	Đường nội thị - TT ATK Định Hóa						656
-	Năm trước chuyển sang						283
II	<u>Đầu tư hạ tầng du lịch</u>	-	-	-	-	-	18.436
-	Đường ĐT 260						150
-	Đường du lịch ven Hồ Núi Cốc						4.641
-	ĐT XD TT nâng cấp CSHT du lịch Hồ Núi Cốc	H. Đại Từ	2004 - 2007	89,050			1.641
-	DA khu di lịch Phụng Hoàng	H. Võ Nhai	2006 - 2007	1,600			551
-	Hạ tầng cụm khu DT ATK Phú Đình						817

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Hạ tầng du lịch đường KDL khảo cổ Thần Sa						230
-	NC đường từ UBND xã Phú Đình đến nhà tưởng niệm						400
-	Sân lễ hội KDT lịch sử ATK, Phú Đình Định Hóa	H. Định Hóa	2006 - 2007	3,700			618
-	Đường Ba Hàng - Thành Công Phố Yên						4.499
-	Năm trước chuyển sang						4.888
III	<u>Đề án tin học cơ quan Đảng</u>	-	-	-	-	-	2.102
-	Đề án tin học cơ quan Đảng (Đề án 06)						2.090
-	Năm trước chuyển sang						12
IV	<u>Đầu tư MT các dự án quan trọng theo QĐ của TTCP</u>	-	-	-	-	-	37.821
-	Đê, kè Đô Tân - Vạn Phái						3.923
-	Kè Sông Cầu TPTN (GD I)						282
-	Gia cố kênh chính Núi cóc						8.607
-	Cải tạo nâng cấp đường ĐT 268 (ĐT254 cũ)						10.916
-	XD cải tạo và mở rộng Bệnh viện C Thái Nguyên						6.996

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Năm trước chuyển sang						7.097
<u>V</u>	<u>Đầu tư nuôi trồng thủy sản</u>	-	-	-	-	-	920
-	DA Trung tâm thủy sản Thái nguyên						202
-	Nâng cấp trại cá Hòa Sơn và Núi Cốc						526
-	Năm trước chuyển sang						192
<u>VI</u>	<u>Quảng cáo truyền hình</u>	-	-	-	-	-	2.059
-	TTSX chương trình phát thanh TH tỉnh TN						1.900
-	Năm trước chuyển sang						159
<u>VII</u>	<u>Hỗ trợ đầu tư v tế Tỉnh</u>	-	-	-	-	-	15.978
-	Trung tâm Y tế Phú Lương	H. Phú Lương	2000 - 2007	13,787			2.000
-	Cải tạo NC trung tâm Y tế huyện Đại Từ	H. Đại Từ	2001 - 2007	13,512			2.500
-	Trung tâm Y tế thị xã Sông Công	TX. Sông Công	2003 - 2007	11,508			2.465
-	Bệnh viện Gang Thép (DA mới)	TP Thái Nguyên	2005 - 2008	10,925			236

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trung tâm Y tế Phú Bình	H. Phú bình	2007 - 2008	15,812			2.406
-	Bệnh viện Gang Thép (DA 2008)						3.231
-	TT Y tế thị xã Sông Công GDII						31
-	Năm trước chuyển sang						3.108
<u>VIII</u>	<u>Đầu tư hạ tầng KCN Sông Công</u>	-	-	-	-	-	7.598
-	XD hạ tầng khu công nghiệp Sông Công I Thái Nguyên						4.600
-	Nhà máy xử lý nước thải khu B Khu CN Sông Công						241
-	2 tuyến mương thủy lợi 15,7 Ha mở rộng Khu B KCN - Sông Công	TX. Sông Công	2006	1,181			365
-	Năm trước chuyển sang						2.392
<u>IX</u>	<u>Hỗ trợ đối ứng các dự án ODA</u>	-	-	-	-	-	20.169
IX.1	Năm trước chuyển sang						3.369
IX.2	Vốn đối ứng ODA (dự án SD vốn JBIC, ADB)						11.190
-	Kiên cố 5 tuyến kênh cấp II núi cốc						305
-	Kiên cố kênh Bảo Linh Định Hóa	H. Định Hóa		11,861			27

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	SC nâng cấp HTTL Nam Thái Nguyên						471
-	DA thủy lợi 2 xã Minh Lập Hóa Thượng Đồng Hỷ						79
-	Đường Hà Thượng - Phục Linh - Tân Linh Đại Từ						969
-	Dự án năng lượng nông thôn II(RE II)						2.438
-	Hệ thống thoát nước & xử lý nước thải TP Thái Nguyên						6.729
-	Cấp nước thị xã Sông Công						108
-	Hệ thống cấp nước thị trấn Trại Cau						64
IX.3	Đổi ứng các dự án ODA-DA sử dụng OFID						5.610
-	Đường Bộc Nhiêu - Bình thành						450
-	Hồ Bó Vàng						1.900
-	Trường THCS Định Biên						62
-	Trạm y tế 7 xã huyện Định Hóa						120
-	Đường Vũ Trấn - Nghinh Tường - Sản Mộc						235
-	Trường tiểu học Nghinh Tường						15
-	Trạm y tế 7 xã huyện Võ Nhai						38

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Đường điện xã Bình Long						150
-	7 cầu thuộc tuyến Hóa Thượng - Hòa bình						420
-	Đường Cây Thị - Văn Hán						500
-	Nhà lớp học 2 tầng Nam Hòa						30
-	Nhà lớp học 2 tầng Khe Mo						56
-	Nhà lớp học 2 tầng Minh Lập						21
-	Hồ Nậm Dát						552
-	Trường tiểu học Phú Đô						25
-	Trường tiểu học Vô Tranh						60
-	Trạm y tế 3 xã Phú Lương						23
-	Đường dây 0,4KV Phú Đô						180
-	Đường dây 0,4KV Tức Tranh						54
-	Hồ cây hồng xã Lâu Thượng huyện Võ Nhai						100
-	Trường tiểu học xã Phú Thượng Võ Nhai						45
-	Trường tiểu học Vũ Chấn huyện Võ Nhai						43
-	Bệnh viện đa khoa Huyện Đồng Hỷ						530

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
<u>X</u>	<u>Nguồn vốn - Hỗ trợ đầu tư theo NQ 37 - NQ/TW</u>	-	-	-	-	-	54.133
-	Đường giao thông TX Sông công						4.729
-	Cầu suối Đèn						2.795
-	Đường Phở Yên Diễm Thụy Phú Bình(GĐII)						3.389
-	Đường GTNT Úc Sơn - Tân Thành - Hợp Tiến						270
-	Trường Cao Đẳng Kinh tế - Tài chính	TP Thái Nguyên	2006	19,550			4.376
-	Nhà GDường số 05 trường CĐ Kinh tế - Tài chính						1.101
-	Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên	TP Thái Nguyên	2006	47,204			4.000
-	XD, cải tạo và mở rộng Bệnh viện C Thái Nguyên						2.397
-	TT dạy nghề Võ Nhai	H. Võ Nhai	2006	5,783			500
-	Bệnh viện Tâm thần	TP Thái Nguyên	2006	22,552			270
-	DA đầu tư nâng cao chất lượng hạt giống lúa nước						4.241
-	TT hội nghị văn hóa tỉnh Thái Nguyên	TP Thái Nguyên	2005	60,916			261

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Đường GT nội bộ + trạm biến áp khu TĐC Quang Sơn						0
-	TT dạy nghề huyện Đại Từ						1.500
-	TT dạy nghề huyện Định Hóa						46
-	TT dạy nghề huyện Đồng Hỷ						1.500
-	TT dạy nghề huyện Phú Lương						800
-	TT dạy nghề huyện Phổ Yên						429
-	Chợ Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	2007 - 2008	3,082			863
-	Chợ Tân Thái	TP Thái Nguyên	2008 - 2009	3,000			65
-	TT dạy nghề thị xã Sông công						1.195
-	Cấp nước khu nam, huyện Phổ Yên và KCN Diềm Thụy						7.214
-	Năm trước chuyển sang						12.192
XI	Hỗ trợ đầu tư các công trình văn hóa	-	-	-	-	-	9.970
-	Trung tâm hội nghị văn hoá tỉnh Thái Nguyên						6.497

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Năm trước chuyển sang						3.474
XII	Hỗ trợ đầu tư trung tâm lao động xã hội	-	-	-	-	-	8.237
-	ĐT, NC Trung tâm Chữa bệnh, GD - LĐXH tỉnh TN						8.000
-	Năm trước chuyển sang						237
XIII	Vốn hỗ trợ sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước	-	-	-	-	-	2.773
-	S.chữa nâng cấp hồ Kim Đinh Trại Gạo Phú Bình						2.773
XIV	Hỗ trợ đầu tư theo QĐ 193/2006/TTg	-	-	-	-	-	2.688
-	Nước sinh hoạt xóm Na Rang xã Vũ Chấn Võ Nhai						18
-	Nâng cấp đường Pác Giáp Nà Lay, Sảng Mộc Võ Nhai						140
-	Trạm Y tế xã Yên Trạch Phú Lương						20
-	DA bố trí dân cư 6 xã Võ Nhai (GD 2007-2010 tính đến 2020)						30
-	DA Bố trí dân cư 2 xã Phú Lương (GD 2007-2010 tính đến 2020)						8
-	DA Bố trí dân cư 2 xã Đồng Hỷ (GD2007-2010 tính đến 2020)						13

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Đập Đồng Điểm xã Yên Ninh Phú Lương						433
-	Hồ Khe Cuồng xã Yên Ninh - Phú Lương						99
-	XD đường dân sinh Lũng Thấu - Thượng Nung Võ Nhai						335
-	Đường GTNT Na Đồng Khe Rịa Vũ Chấn Võ Nhai						775
-	CTNC đường ngã ba XN kềm chì Đồng Hỷ						629
-	Đường GT Bản Nhàu - Na Hấu - Nghinh Tường Võ Nhai						90
-	Đường GT Kim Sơn đi Hạ Sơn - Thần Sa - Võ Nhai						71
-	Năm trước chuyển sang						27
XV	<u>Vốn hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng</u>	-	-	-	-	-	2.793
-	Nâng cao năng lực PCCCR (Chi cục kiểm lâm)						2.535
-	XD dự án trồng rừng sản xuất						40
-	XD dự án trồng rừng sản xuất - ATK						41
-	NV hỗ trợ phát triển rừng						40
-	DA trồng rừng SX Công ty Lâm nghiệp Võ Nhai						20

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	DA trồng rừng SX huyện Võ Nhai						40
-	NV hỗ trợ phát triển rừng						9
-	NV hỗ trợ phát triển rừng						9
-	NV hỗ trợ phát triển rừng						60
<u>XVI</u>	<u>Đầu tư hạ tầng chợ</u>	-	-	-	-	-	942
-	Năm trước chuyển sang	-	-	-	-	-	942
<u>XVII</u>	<u>Đầu tư hạ tầng làng nghề</u>	-	-	-	-	-	14
-	Năm trước chuyển sang	-	-	-	-	-	14
<u>XVIII</u>	<u>Vốn hỗ trợ xổ số kiến thiết</u>	-	-	-	-	-	35
-	Năm trước chuyển sang	-	-	-	-	-	35
<u>XIX</u>	<u>Hỗ trợ đầu tư các công trình TĐTT</u>	-	-	-	-	-	35
	Năm trước chuyển sang						35
<u>D</u>	<u>Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia</u>	-	-	-	-	-	15.593
<u>I</u>	<u>CT Việc làm</u>						361
-	Quyết toán năm trước chuyển sang						230
-	Đầu tư các TT Dự việc làm						131

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
II	CT dân số và Kế hoạch hóa gia đình						160
-	Chi cục Dân số KHH GD						160
III	CT nước sạch vệ sinh môi trường						6.859
-	Quyết toán năm trước chuyển sang						214
-	Cấp nước SH Đồng Giã Dân Tiến Võ Nhai						994
-	Cấp nước SH Lam Vỹ Định Hóa						250
-	Cấp nước SH Tân Dương Định Hóa						230
-	Cấp nước xóm Đuồm, Động Đạt Phú Lương						230
-	Cấp nước Bình Long Võ Nhai						3.214
-	Cấp nước xã Văn Yên Đại Từ						149
-	Cấp nước SH Nhâu - Liên Minh Võ Nhai						7
-	Cấp nước SH xóm Vang - Liên Minh Võ Nhai						20
-	NC, SC CT nước xóm Dầu Yên Lạc, P.Lương						23
-	NC, SC CT nước xóm Làng Cẩm, Đại Từ						8
-	Cấp nước SH Vực Chuông La Bằng ĐTừ						170
-	Cấp nước SH Nga Mỹ Phú Bình						249

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	NC, SC CT nước xóm Làng Hữu, Đại Từ						11
-	NC, SC CT nước xóm Hoà Bình, Đại Từ						20
-	Cấp nước SH Kim Cương - Cây Thị Đồng Hỷ						820
-	Cấp nước SH Phú Cốc - Tân Phú Phổ Yên						250
IV	Chương trình giáo dục và đào tạo						103
	Quyết toán năm trước chuyển sang						103
V	Chương trình Văn hóa						1.494
-	P.hồi TT khu DTLSCM chiến khu VB (GĐI)						556
-	P.hồi TT khu DTLSCM chiến khu VB (GĐII)						444
-	XD NVH Thôn Đồng Ruộng, Trảng Xá, VN						494
VI	CT phòng chống bệnh XH nguy hiểm và HIV						6.615
-	Quyết toán năm trước chuyển sang						1.463
-	XD Bệnh viện Tâm thần						2.500
-	DA PC Phong & BV SKCĐ (Khu ĐT P.Bình)						191
-	Cải tạo NC trụ sở TT PC HIV & Da Liễu						1.308
-	TT Y tế dự phòng tỉnh TN						1,153

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
E	<u>Chương trình 135</u>						47.313
I	Quyết toán năm trước chuyển sang						1.117
II	Huyện Phổ Yên						596
*	Hợp phần XDCSHT						596
-	Đường BTXM 250 # sỏi 2x4 xóm Nông Vụ 3,5, Tân Cương Vạn Phái						449
-	Đường BTXM 250# sỏi 2x4 chợ Ba cây thông đi xóm 5 xã Phúc Tân						146
III	Huyện Định Hóa						18.262
*	Hợp phần XDCSHT						13.598
-	Trả nợ trạm bơm Vực Nạn xã Tân Dương						107
-	Trả nợ nương thoát nước xã Tân Dương						9
-	Trả nợ Trạm Y tế xã Tân Dương						164
-	Trả nợ nhà tập thể giáo viên trường THCS,TH xã Tân Dương						12
-	Điều chỉnh quy hoạch xã Tân Dương						15
-	Đường giao thông nông thôn xóm Kèn xã Tân Dương						511

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trả nợ cầu + đường GTNT xã Phúc Chu						58
-	Đường giao thông NT Làng Gầy xã Phúc Chu						138
-	Trạm Y tế xã Phúc Chu						80
-	Quy hoạch phát triển KT-XH xã Phúc Chu						40
-	Đường giao thông xóm Nà De xã Phúc Chu						200
-	Cầu Làng Mới xã Phúc Chu						294
-	Trả nợ CT phụ trợ trường Mầm non xã Phụng Tiến						10
-	Trả nợ đường vào UBND xã - xóm Đình xã Phụng Tiến						510
-	Trả nợ đường giao thông NT Nà Poọc, Nà Lang xã P.Tiến						16
-	Quy hoạch phát triển KT-XH xã Phụng Tiến						40
-	Đường giao thông xóm Tổ xã Phụng Tiến						175
-	Đường giao thông xóm Héo xã Phụng Tiến						175
-	Trả nợ nhà tập thể giáo viên trường THCS xã Bộc Nhiều						43
-	Trả nợ đường xóm Đạo - Lạc nhiều xã B.Nhiều (giai đoạn 2)						745

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Cầu trường học xã Bộc Nhiều						47
-	Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH xã Bộc Nhiều						15
-	Trả nợ trường Mầm non xã Đồng Thịnh						365
-	Trả nợ trường Tiểu học xã Đồng Thịnh						37
-	Quy hoạch phát triển KT-XH xã Đồng Thịnh						40
-	Công trình phụ trợ trường Tiểu học xã Đồng Thịnh						110
-	Đường Giao thông NT Chợ Gốc đa xã Đồng Thịnh						27
-	Đường GTNT Nà Lặng - An Thịnh xã Đồng Thịnh						225
-	Trả nợ đường GTNT Bản Giáo Đồng Lá xã Diềm Mặc						285
-	Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH xã Diềm Mặc						15
-	Đường GTNT xóm Bản Bắc 1+2+3+4 xã Diềm Mặc						496
-	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học xã Diềm Mặc						100

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trả nợ đường GTNT Làng Duyen - Thịnh Mỹ xã Tân Thịnh						65
-	Trả nợ cầu treo Góc Nội xã Tân Thịnh						680
-	Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH xã Tân Thịnh						15
-	Trường Mầm non xã Tân Thịnh giai đoạn 2						31
-	Trả nợ đường vào trường Mầm non xã Phú Tiến						1
-	Trả nợ đường điện Thảm Rạc Nà Tầm xã Phú Tiến						61
-	Trả nợ trường rào, kè đá trường THCS xã Phú Tiến						188
-	Trả nợ nhà ở giáo viên trường Tiểu học xã Phú Tiến						41
-	Trả nợ CT phụ trường Tiểu học xã Phú Tiến						346
-	Quy hoạch phát triển KT-XH xã Phú Tiến						15
-	Nhà hiệu bộ trường THCS xã Phú Tiến						135
-	Xây dựng cầu Thôn 9 xã Phú Tiến						24
-	Trả nợ kênh Vàng bá Làng Mới xã Kim Phụng						40

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trả nợ trường Tiểu Học xã Kim Phụng						61
-	Trả nợ Trạm Y Tế xã Kim Phụng						397
-	Trả nợ đối ứng XD cầu treo Nà Bó xã Kim Phụng						150
-	Đường GT Làng Mới - Nam Cơ xã Kim Phụng						265
-	6.Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH xã Kim Phụng						15
-	Trả nợ phòng khám đa khoa xã Sơn Phú						113
-	Trả nợ Cầu Hương Bình xã Sơn Phú						138
-	Trả nợ đường GT liên thôn Phú Hộ 1,2 xã Sơn Phú						125
-	Trả nợ nhà tập thể giáo viên trường THCS xã Sơn Phú						59
-	Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH xã Sơn Phú						15
-	Đường bê tông thôn Văn Phú xã Sơn Phú						186
-	Đường bê tông thôn Sơn Dầu xã Sơn Phú						116
-	Trạm Y tế xã Trung Lương						172

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Đường Hồng Quang - Văn Lương xã Trung Lương						636
-	Tường rào nhà tập thể GV trường THCS xã Trung Lương						10
-	Trạm biến áp, hệ thống điện DD sau trạm BA xã Trung Lương						24
-	Quy hoạch phát triển KT-XH xã Trung Lương						40
-	Trả nợ trường Mầm non xã Thanh Định giai đoạn 2						12
-	Trả nợ Cầu Phai Lễ xã Thanh Định						48
-	Trả nợ san nền tường rào trường Tiểu học xã Thanh Định						6
-	Trả nợ đường Khẩu Rì - Bản Cái xã Thanh Định						48
-	Trả nợ nhà Hiệu bộ, TVTN trường THCS xã Thanh Định						177
-	Trả nợ tạo mặt bằng Chợ xã Thanh Định						78
-	Trả nợ nhà tập thể giáo viên trường THCS xã Thanh Định						18
-	Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH xã Thanh Định						15

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Đường, cống trường Tiểu học xã Thanh Định						208
-	Tường rào trường Tiểu học xã Thanh Định						180
-	Trả nợ đường tràn LH Cống Tròn xã Phú Đình						156
-	Trả nợ trường Mầm Non xã Phú Đình giai đoạn 2						56
-	Trả nợ trường rào trường Mầm Non xã Phú Đình						30
-	Trả nợ nhà tập thể giáo viên trường Mầm Non xã Phú Đình						26
-	Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT - XH xã Phú Đình						15
-	Đường ngầm Phú Ninh 3 xã Phú Đình						540
-	Trả nợ đường GT Đá Bay - Yên Hoà xã Bình Yên						79
-	Trả nợ tạo mặt bằng xã Bình Yên						100
-	Trả nợ tạo NLV, Nhà BV, WC+PC trường tiểu học xã Bình Yên						484
-	Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH xã Bình Yên						15
-	Trả nợ Chợ Quán Vương xã Trung Hội						59

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trả nợ Trạm Y Tế xã Trung Hội						429
-	Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH xã Trung Hội						15
-	Trả nợ đường GTLT chợ Nập núi Hồng giai đoạn 2						4
-	Trả nợ đường GTLT chợ Nập núi Hồng giai đoạn 3						300
-	Trả nợ nhà ở GV 5 gian trường THCS xã Bình Thành						49
-	Trả nợ trường mầm non phân hiệu Cây Thị xã Bình Thành						449
-	Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH xã Bình Thành						15
-	Trả nợ nhà tập thể giáo viên trường Mầm non xã Quy Kỳ						18
-	Trả nợ đường giao thông Khuổi Tát xã Quy Kỳ						295
-	Điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH xã Quy Kỳ						15
-	Đường GTNT Bản Cọ - Bản Pấu xã Quy Kỳ						390

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
*	Duy tu sau DT & XD các thôn đặc biệt khó khăn khu vực II						3.105
-	Sửa chữa Van Đập Nà Mỏ xã Sơn Phú						56
-	Sửa chữa kênh mương Khu Bà Trang xã Sơn Phú						14
-	Đập tràn Liên hợp Chiến Sĩ xã Bình Thành						83
-	Sửa chữa hệ thống cửa NLH 2 tầng 6 phòng trường THCS xã Bình Thành						15
-	Sửa chữa đê chắn lũ UBND xã Bộc Nhiều						75
-	Sửa chữa đường liên xã từ Thôn 3 đến thôn 10 xã Phú Tiến						35
-	Sửa chữa đập + mương nước Nà Tầm xã Phú Tiến						15
-	Sửa chữa đường giao thông Nà Poọc Nạ Lang xã Phụng Tiến						50
-	Sửa chữa đường Làng Mố - Làng Chùng xã Trung Hội						74
-	Sửa chữa lưới điện 0.4 KV sau trạm biến áp số 1 xã Trung Lương						49
-	Sửa chữa lưới điện 0.4KV Thăm Roọc 1 - Bắc Châu xã Diềm Mặc						100

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Sửa chữa đường trung tâm xã đi Phú Ninh 2 xã Phú Đình						70
-	Sửa chữa tuyến đường Khuổi Nghè - Bản Piềng xã Thanh Định						73
-	Sửa chữa tuyến đường Thảm Rộc - Đồng Quang xã Bình Yên						74
-	Sửa chữa đường GTLT xóm Chúng xã Tân Dương						48
-	Sửa chữa Cầu treo Làng Trảng xã Tân Dương						18
-	Sửa chữa tuyến đường UBND đi Làng Duyên xã Tân Thịnh						71
-	Sửa chữa tuyến đường Bản Noóng Tân Hợp xã Quy Kỳ						47
-	Sửa chữa trường THCS xã Quy Kỳ (Cửa chính, cửa sổ)						23
-	Sửa chữa trường Tiểu học và Mầm non xã Đồng Thịnh (sửa mái)						45
-	Sửa chữa đường Chợ Chu - Kim Phụng - Quy Kỳ xã Kim Phụng						73
-	Sửa chữa hội trường UBND xã Phúc Chu						48

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Kim Tân 1 xã Kim Sơn						75
-	Cạo kiên cố kênh mương sau hồ Nà Đầu xóm Kim Tân 1 xã Kim Sơn						75
-	Đường bê tông liên xóm Kim Tân 4 xã Kim Sơn						150
-	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Kim Tiến 3 xã Kim Sơn						75
-	Đường giao thông Kim Tiến 3 xã Kim Sơn						75
-	Đường + công TPT Nhà SH cộng đồng xóm Bản Pù xã Bảo Linh						150
-	Đường + công TPT Nhà SH cộng đồng xóm Đèo Muồng xã Bảo Linh						150
-	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Nà Chát xã Linh Thông						150
-	Đập Nà Mới + Kênh mương thôn Bản Nóng xã Linh Thông						150
-	Đập Co Cốc + Kênh mương thôn Bản Nóng xã Linh Thông						150
-	Nâng cấp đường GT thôn Đồng Tùm xã Bảo Cường						150

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Nâng cấp đường GT thôn Làng Mạ xã Bảo Cường						150
-	Cầu Bê tông Nà Chằm thôn Nà Tiếm xã Lam Vỹ						150
-	Đường GT cấp phối thôn Đồng Keng xã Lam Vỹ						150
-	Đường GT thôn Thâm Pục xã Lam Vỹ						150
*	Hỗ trợ phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm						1.559
-	Hỗ trợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Tân Dương						95
-	Hỗ trợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Phúc Chu						95
-	Hỗ trợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Phụng Tiến						109
-	Hỗ trợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Bộc Nhiều						95
-	Hỗ trợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Đồng Thịnh						92
-	Hỗ trợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Diềm Mặc						95
-	Hỗ trợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Tân Thịnh						71

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Htrợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Phú Tiến						83
-	Htrợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Kim Phụng						95
-	Htrợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Sơn Phú						95
-	Htrợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Trung Lương						94
-	Htrợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Thanh Định						95
-	Htrợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Phú Đình						95
-	Htrợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Bình Yên						68
-	Htrợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Trung Hội						95
-	Htrợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Bình Thành						95
-	Htrợ PTSX & chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Quy Kỳ						95

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
IV	Huyện Đồng Hỷ						1.705
*	Hợp phần XDCSHT						1.515
-	Đường GT Tân Lập đi Vân Khánh						550
-	Đường GT Tân Lập 2 - Văn Khánh						25
-	Điều chỉnh lại QH giai đoạn II						25
-	Đường điện Xa Lung Tân Long						241
-	Đường điện hạ thế xóm Mỏ Ba						30
-	Đổi ứng nâng cấp đường Hồng Phong						400
-	Điều chỉnh lại QH giai đoạn II						25
-	Trường Mầm non Hợp Tiến						120
-	Nhà C.Vụ MN, tiểu học Mỏ Ba xã Tân Long						100
*	Dự án hỗ trợ sản xuất						190
-	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất						190
V	Huyện Sông Công						150
*	Hợp phần XDCSHT						150
-	Đường Phú Sơn đi Kim Long - Bình Sơn						150

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
VI	Huyện Phú Lương						3.609
*	Hợp phần XDCSHT						3.272
-	Đường Phú Thành Làng mới - Hợp Thành						450
-	Nhà làm việc trường Mầm non Hợp Thành						50
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường TH Yên Ninh						501
-	Nhà hiệu bộ trường TH Yên Ninh						196
-	Nhà lớp học 4 phòng trường mầm non Yên Trách						620
-	Chợ xã Yên Trách						76
-	Trả nợ CT xây dựng chợ Hợp Thành						60
-	CT đường vào trạm xá xã Yên Ninh						60
-	CT trường mầm non Yên Trách						60
-	QHXCDCSHT thiết yếu xã Hợp Thành						40
-	QHXCDCSHT thiết yếu xã Yên Ninh						40
-	QHXCDCSHT thiết yếu xã Yên Trách						40
-	Sửa chữa nhà văn hóa xóm Yên Thủy - Yên Lạc						100

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Nhà văn hóa xóm Tiên Thông B - Yên Lạc						149
-	Sửa chữa nhà văn hóa xóm Đồng Mỏ - Yên Lạc						285
-	Nhà văn hóa xóm Yên Thịnh - Yên Lạc						108
-	Nhà văn hóa xóm Mường Găng - Yên Lạc						108
-	CT đường giao thông xóm Ao Then-Yên Đỗ						115
-	CT Cầu xóm Đồng Tâm -Động Đạt						108
-	CT cấp điện xóm Phú Thị - Na Sàng - Phú Đô						108
*	Hỗ trợ phát triển sản xuất						285
-	KP hỗ trợ PTSX chương trình 135 - NS tỉnh						285
*	Duy tu sau đầu tư và xây dựng các thôn đặc biệt khó khăn khu vực II						52
-	Duy tu bảo dưỡng trường mầm non xã Hợp Thành						12
-	Trả nợ CT xây dựng chợ Hợp Thành						40
VII	Huyện Đại Từ						9.721
*	Hợp phần XDCSHT						8.687
-	Trần công liên hợp La Châu - Phúc Lương						174

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Cống tràn Cầu Tuất xã Phúc Lương						250
-	Trạm bơm điện 7,5KW xóm Đồng Ninh, Bản Ngoại						70
-	Đập giữ nước xóm Đầm Mua xã Bản Ngoại						262
-	Đập giữ nước xóm Quang Trung, Bản Ngoại						120
-	Xây dựng đường điện và trạm hạ thế 3 Phú Cường						77
-	Sửa chữa cầu treo La Dạ, Bản Ngoại						34
-	Đường Bê tông xã Bản Ngoại						171
-	Đường bê tông xã Quân Chu						781
-	N.cấp đường GTNT Na Khâm (PS) đi Hàm Rồng (PL)						574
-	Nâng cấp đường GTNT xã Đức Lương						646
-	Nâng cấp đường từ Đồng Trảng đi Tuyên Quang						148
-	Xây dựng cầu xóm Đèo Xá xã Yên Lãng						150
-	Trường mầm non xã La Bằng						58
-	Nhà thư viện trường tiểu học Phúc Lương						9

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Nhà lớp học 2 phòng trường MN Phúc Lương						88
-	Nhà hiệu bộ trường tiểu học Phúc Lương						11
-	Trường THCS Bản Ngoại - Nhà VS, sân bê tông, cấp nước						13
-	Nhà hội đồng, BGH, Trào, Sân BT trường MN Khôi Kỳ						115
-	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng trường Tiểu học Khôi Kỳ						108
-	Nhà lớp học số 2, 3 phòng Trường MN Phú Cường						54
-	Nhà hội đồng Trường MN Mỹ Yên						91
-	Nhà hội đồng Trường tiểu học Mỹ Yên						27
-	Nhà lớp học 2 phòng, nhà bếp trường MN Minh Tiên						127
-	Sân BT, bồn hoa, T.rào, nhà VS tr.TH Hoàng Nông						14
-	Nhà lớp học 2 phòng, T.rào trường MN Đức Lương						162
-	Sân bê tông trường THCS La Bằng						39

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Sân bê tông trường tiểu học La Bằng						22
-	Tường rào trường Tiểu học Phúc Lương						58
-	Nhà hiệu bộ trường THCS Phúc Lương						41
-	Trường MN Bản Ngoại - Sân khấu, bồn hoa, giếng						4
-	Trường tiểu học Bản Ngoại - Nhà lớp học xóm Cao Khản						8
-	Trường THCS Phú Xuyên - Nhà bảo vệ, hàng rào						26
-	Trường THCS Phú Xuyên - CT nhà hội đồng, nhà lớp học						68
-	NHà hộ đồng, kê đá, san nền trường MN Minh Tiến						199
-	Nhà hiệu bộ, sân Btông trường MN La Bằng						84
-	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng trường TH Phú Xuyên						903
-	Trường MN Phú Cường (Các HM phụ trợ)						576
-	Trường THCS Hoàng Nông (Nhà lớp học 2P + phụ trợ)						616

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trường MN Bán Ngoại - Xóm Dầm Bằng						90
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Quân Chu						633
-	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường mầm non xã Mỹ Yên						56
-	Sân bê tông, bọc chào cờ, nhà vs trường THCS Mỹ Yên						207
-	Kè chắn đất tường rào THCS Mỹ Yên						43
-	Tường rào trường tiểu học xã Mỹ Yên						50
-	Cổng hàng rào, sân khấu trường THCS Phú Xuyên						174
-	Tường rào, sân bê tông, bồn hoa trường Minh Tiến						129
-	Xây dựng trường THCS Minh Tiến						10
-	Xây dựng trường mầm non Minh Tiến						25
-	Xây dựng nhà BGH trường THCS Hoàng Nông						6
-	Trạm y tế xã Phú Xuyên - Nhà y tế, VS, cổng hàng rào						19

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Xây dựng chợ La Bằng						104
-	Dự án quy hoạch xã Quân Chu						15
-	Dự án quy hoạch La Bằng						15
-	Dự án quy hoạch xã Mỹ Yên						15
-	Dự án quy hoạch xã Bản Ngoại						15
-	Dự án quy hoạch xã Phú Xuyên						15
-	Dự án quy hoạch xã Đức Lương						15
-	Dự án quy hoạch xã Hoàng Nông						15
-	Dự án quy hoạch xã Minh Tiến						15
-	Dự án quy hoạch xã Khôi Kỳ						15
-	Dự án quy hoạch xã Phú Cường						15
-	Quy hoạch xã Phúc Lương - Đại Từ						15
*	- Hỗ trợ sản xuất						1.034
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã Quân Chu						113
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã La Bằng						72

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã Phúc Lương						109
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã Mỹ Yên						99
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã Bản Ngoại						95
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã Phú Xuyên						86
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã Đức Lương						97
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã Hoàng Nông						82
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã Minh Tiến						108
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã Khôi Kỳ						85
-	Dự án hỗ trợ PTSX thuộc CT 135 xã Phú Cường						89
VIII	Huyện Võ Nhai						12.154
*	Hợp phần phát triển CSHT						10.391
-	Đường vào xóm Chòi Hồng xóm Trảng Xá						272
-	Đường Tân Đào- Đông Bo xã Trảng Xá						588
-	Đường vào xóm Là Bo xã Trảng Xá						550
-	Đường Mỏ Bến - Ngà Lưu xã Trảng Xá						711

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trường TH BLII (Snên, 6p, kè đá, rãnh)						181
-	Trạm truyền hình Cúc Đường						93
-	Đường GT Nà Canh - Nà Bả Phương Giao						335
-	Đường GT Ngiang - Krac - CSon (Km3-5,7)						500
-	Trạm Y tế xã Sảng Mộc						500
-	Trường TH xã Liên Minh (PT Nác)						128
-	Trường TH xã Thượng Nung (Phụ trợ)						85
-	Trường THCS Dân Tiến (Hbộ, GV, WC)						111
-	Trường TH Xuất Tác xã P.Giao (Hbộ,NT						12
-	Đổi ứng đường xóm Nác đi xóm Bãi Vàng						132
-	Trường MN B.Long (Cổng, hàng rào, sân)						11
-	Đường từ trường Trần Phú đi Mỏ Chì						20
-	Đường Trung Sơn - Ngọc Sơn I						92
-	Cải tạo, SC cầu treo Trung Sơn - Thần Sa						22
-	Trường TH Dân Tiến: Nhà thường trực						6
-	Phân trường TH Làng Mười: NT, WC						14

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trạm Y tế xã Liên Minh						13
-	Nhà lớp học 1P MN xã Liên Minh						7
-	Đường Lam Sơn - Mỏ Chợ xã C.Đường						561
-	Trạm bơm Lân Ngược - Cúc Đường						300
-	Đường Thâm - Nho - Khuôn Đá xã LM (cả GPMB)						700
-	Trường THCS Diến (Sán, kè đá)						70
-	Đường Bản Rải-Thượng Lương xã Nghinh Tường (cả GPMB)						661
-	Trường MN Blong: LH 1 phòng, bếp						100
-	Trường THCS Đông Bo: Snền, cống...						240
-	Trường TH Thần Sa, PT Tân Kim						409
-	Đường xóm Nác (TH Nác-KM1+432,12)						314
-	Đường Hạ Sơn Tây - Hạ Sơn Dao xã Thần Sa						300
-	Đường vào xóm Tân Đào xã Trảng Xá						220
-	Chợ xã Thượng Nung						100
-	Đường Tân Thành - An Thành T.Nung						200

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Trường MN B.Long (WC, vườn cổ tích)						50
-	Đường BT dốc xóm Thâm + Trần rọ đá..						80
-	Chợ TTCX Nghinh Tường						1.061
-	Đường vào xóm Tân Đào xã Trảng Xá						10
-	Nhà Văn hóa xóm Đất Đỏ xã Lâu Thượng						150
-	Nhà VH xóm Yên Ngựa xã Lâu Thượng						150
-	Đg tràn xóm Khuôn Vạc xã La Hiên						31
-	Đg Tràn liên hợp Xóm Hùng Sơn - ĐCả						150
-	Đg GTNT từ xóm Cao Sơn - Cao Biền PT						150
*	Duy tu, bảo dưỡng CT sau đầu tư						768
-	S/c đg từ trg PTTH trấn Phú đi mỏ chì CĐg						66
-	Tu sửa đường từ trụ sở UBND xã Thần Sa đi xóm Ngọc Sơn 2						62
-	Sửa chữa trường THCS Dân Tiến						30
-	Sửa chữa cầu treo Phương Bá xã Dân Tiến						35
-	Sửa chữa trường Tiểu học Dân Tiến I						10
-	S/c cầu treo Đồng Danh đi Kệ xã Liên Minh						68

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	S/c cầu treo Xóm Phố xã Bình Long						73
-	S/c nâng cấp đt từ giếng khoan lên trụ sở UBND xã Nghinh Tường						67
-	S/c NC đt Sảng Mộc đi Thượng Nung: Từ trụ sở UBND xã						73
-	S/c đt từ UBND xã Phương giao đi Phù Trì, Xuất Tác						71
-	S/c tuyển đt từ ngã ba xóm Tân Thành đi Đông Bo xã Trảng Xá						73
-	S/c Ngầm Lộ Nội tuyển đt từ Nước Hai đi xóm Trung Thành						71
-	S/c tuyển đt Na Giang - Khe Rạc - Cao Sơn GĐI						71
*	Hợp phần hỗ trợ PT sản xuất						995
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Trảng Xá						85
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Liên Minh						94
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Dân Tiến						92
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Phương Giao						99
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Bình Long						96

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Vũ Chấn						93
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Cúc Đường						76
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Nghinh Tường						100
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Thần Xa						64
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Thượng Nung						89
-	Hợp phần hỗ trợ PT SX Sáng Mộc						107
F	<u>Dự án 5 triệu ha rừng</u>						16.937
-	Quyết toán năm trước chuyển sang						1.071
-	DA 661 Ban chỉ đạo tỉnh (CC Lâm nghiệp)						192
-	Rà soát qui hoạch 3 loại rừng						76
-	Rà soát XD lại các DA 661 GD 2008-2010						303
-	Quy hoạch BV & PT rừng GD 2008 - 2020						0
-	DA Đầu tư giống cây lâm nghiệp tỉnh TN						150
-	DA Phòng hộ Hồ Núi Cốc (Thành phố)						1.064
-	DA trồng rừng phòng hộ huyện Đồng Hỷ						560
-	DA trồng rừng sản xuất Huyện Đồng Hỷ						714

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KL thực hiện từ khởi công đến kỳ báo cáo	Đã thanh toán từ khởi công đến kỳ báo cáo	Quyết toán năm 2008
-	Hoạt động khuyến lâm Đồng Hỷ						0
-	DA 661 Công ty Lâm nghiệp Đại Từ						1.956
-	DA 661 huyện Phú Lương						2.339
-	Dự án rừng phòng hộ (Cty Lâm nghiệp Võ Nhai)						859
-	Dự án rừng đặc dụng (Hạt Kiểm lâm Võ Nhai)						2.100
-	Dự án trồng rừng SX (Cty Lâm nghiệp Võ Nhai)						959
-	Rừng phòng hộ Lâm trường Định Hóa						1.068
-	Rừng sản xuất Lâm trường Định Hóa						953
-	Rừng đặc dụng ATK Định Hóa						822
-	DA trồng rừng SX Phổ Yên						1.055
-	DA trồng rừng SX TX Sông Công						285
-	DA trồng rừng SX Phú Bình						410

Mẫu số 17/CKTC-NSDP

Biểu số:08

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CHO CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC DO
ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2008**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	TỔNG SỐ	440 801
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	97 061
1	Chương trình giảm nghèo	2 174
2	Chương trình việc làm	691
3	Chương trình nước sạch VSMT nông thôn	7 209
4	Chương trình chống tội phạm	700
5	Chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình	7 886
6	Chương trình phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm, HIV/AIDS	12 540
7	Chương trình văn hóa	3 145
8	Chương trình phòng chống ma túy	3 200
9	Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm	760
10	Chương trình Giáo dục và đào tạo	58 756
III	Chương trình 135	62 420
III	Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	16 937
IV	Một số mục tiêu nhiệm vụ khác	264 383

Mẫu số 18/CKTC-NSDP**Biểu số:09****CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2008**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, TP, TX	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tổng chi ngân sách huyện	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện		
				Tổng số	BS cân đối	BS có mục tiêu
	<u>TỔNG SỐ</u>	<u>1 874 559</u>	<u>1 853 477</u>	<u>1 063 689</u>	<u>552 971</u>	<u>510 718</u>
1	TP Thái Nguyên	430 372	426 195	92 389	56 553	35 836
2	TX Sông Công	106 510	101 252	42 049	24 002	18 047
3	Huyện Định Hóa	225 319	223 568	170 121	79 891	90 230
4	Huyện Đại Từ	304 203	299 123	192 571	93 650	98 921
5	Huyện Phú Lương	144 731	142 542	102 342	52 825	49 517
6	Huyện Phú Bình	154 264	153 846	119 875	66 649	53 226
7	Huyện Phổ Yên	180 789	180 126	106 051	59 927	46 124
8	Huyện Võ Nhai	162 665	162 010	131 496	61 404	70 092
9	Huyện Đồng Hỷ	165 706	164 815	106 795	58 070	48 725